

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 177/2017/HS-ST
Ngày 30 tháng 11 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn An.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Chi và bà Trần Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố (Sau đây viết tắt là: TP) Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 148/2017/HSST ngày 13 tháng 10 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2017/HSST- QĐ ngày 16 tháng 11 năm 2017, đối với các bị cáo:

1/ Lê Văn B, sinh 1994 tại Hưng Yên; trú tại: thôn 1, xã Ô, huyện K, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; con ông: Lê H và bà Vũ Thị H; vợ, con: Chưa; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 28 tháng 12 năm 2012 Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên xử phạt 04 năm tù về tội “*Cướp tài sản*”; ngày 01 tháng 11 năm 2012 Công an huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”; bị tạm giữ từ ngày 06 tháng 4 năm 2017 và chuyển tạm giam từ ngày 15 tháng 4 năm 2017 đến nay; có mặt.

2/ Nguyễn Văn Q, sinh năm 1995 tại Hải Dương; trú tại: Thôn B, thị trấn L, huyện C, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 8/12; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị C; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân:

Không; bị tạm giữ từ ngày 18 tháng 4 năm 2017 và chuyển tạm giam từ ngày 27 tháng 4 năm 2017, đến ngày 26 tháng 5 năm 2017 được tại ngoại tại địa phương theo Quyết định cho bảo lãnh của cơ quan Cảnh sát điều tra (Sau đây viết tắt là: CSĐT), Công an TP Phủ Lý, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- **Bị hại:** Anh Phạm Duy H, sinh năm 1986; nơi cư trú: Tổ 4, phường Minh Khai, TP Phủ Lý, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

+ Anh Cao Văn N, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn V, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hưng Yên; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1950; nơi cư trú: thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có quen biết từ trước nên ngày 20 tháng 01 năm 2017, Lê Văn B sang nhà anh Phạm Duy H ở Bảo Lộc 1, phường T, TP P, tỉnh Hà Nam chơi rồi ngủ lại nhà anh H. Sáng ngày 21 tháng 01 năm 2017, B và anh H điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150i BKS: 90B2-180.05 của anh Hưng đi chơi, đến khoảng 8 giờ thì về, B dựng xe ở dưới gốc cây lộc vừng của nhà anh H, sau đó B và anh H lên nhà đi ngủ. Đến khoảng 11giờ cùng ngày, thấy anh H đang ngủ, B nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại Iphone 4s màu trắng đang sạc ngoài phòng khách và chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150i BKS 90B2-180.05 của anh H. B liền rút chiếc điện thoại Iphone 4s rồi cầm chìa khóa xe mô tô để trên bàn làm việc đi xuống dưới sân dắt xe ra cổng. Thấy cổng khóa, B đi vào lấy chìa khóa mở cổng sau đó dắt xe ra ngoài rồi khóa cổng để chìa khóa vào chỗ cũ. Sau đó, B điều khiển xe về Hưng Yên. Trên đường đi, xe hết xăng nên B đã vào một cây xăng (không nhớ địa chỉ) để đổ xăng, do không có tiền trả nên B đã để lại chiếc điện thoại Iphone 4s vừa lấy của anh H để trả tiền xăng. Ngày 23 tháng 01 năm 2017, Lê Văn B gặp Cao Văn N (ở thôn Đ, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên) và nhờ N gọi điện cho Nguyễn Văn Q (ở thị trấn L, huyện Cẩm G, tỉnh Hải Dương)

nói B muốn đổi xe SH lấy xe Yamaha Sirius của Q (do B, N và Q có quen biết nhau từ trước), Q đồng ý nên B và N đi xe SH vừa trộm cắp xuống Hải Dương đổi xe cho Q (mục đích đổi xe là để xe SH ở Hải Dương). Ngày 26 tháng 01 năm 2017, B đã đổi lại xe cho Q và đi xe SH lên cửa khẩu Tân Thanh, tỉnh Lạng Sơn để tiêu thụ. Trên đường đi, B tháo biển kiểm soát vứt đi rồi cầm cố cho một người tên T (không biết lai lịch) lấy 10.000.000đ. Sau đó, B đã chuộc lại xe và mang về cầm cố tại nhà anh Nguyễn Văn C (ở thôn V, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hưng Yên) lấy 15.000.000đ.

Do biết Q thích xe mô tô SH nên B nói với Cao Văn N là đã cầm xe SH cho anh C và nhờ N bảo với Q muốn mua xe thì mang tiền đến chỗ anh C chuộc xe về mà đi. Cao Văn N đã điện thoại cho Q, Q đồng ý. Ngày 12 tháng 02 năm 2017, Q cầm tiền lên nhà Cao Văn N nhờ N đi chuộc chiếc xe của B. Khi N mang xe về, thấy xe không có biển kiểm soát, không có đăng ký xe, do ham rẻ và nghĩ sẽ làm được giấy tờ giả nên Q đưa cho N 26.500.000đ để lấy xe. Sau khi lấy được xe, Nguyễn Văn Q đã bóc phần dán đề can màu đen của xe và để nguyên màu sơn trắng - đen của xe để sử dụng.

*Ngày 06 tháng 4 năm 2017, Lê Văn B đã đến cơ quan Công an đầu thú.

*Sau khi biết B bị bắt về hành vi chiếm đoạt chiếc xe mô tô SH 150i BKS 90B2 -180.05, Q đã mang xe SH 150i trên về cất giấu tại nhà bà Nguyễn Thị L (bác ruột) ở xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương. Đến ngày 18 tháng 4 năm 2017, Q đã mang chiếc xe mô tô trên đến Cơ quan CSĐT- Công an TP P, tỉnh Hà Nam giao nộp và đầu thú.

Vật chứng thu giữ gồm:

Thu của Nguyễn Văn Q: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150i, màu sơn trắng - đen, số khung; 1437FY023769, số máy KF14E0123840, không đeo biển kiểm soát; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s, màu vàng, số IMEL 352003066314509.

Thu của Lê Văn B: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1202, màu xanh, số seri 358285039337006.

* Ngày 10/4/2017 Hội đồng định giá tài sản TP P, tỉnh Hà Nam đã có kết luận định giá tài sản: *“01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại xe SH 150i, màu*

son trắng - đen, BKS 90B2-180.05, số khung 1437FY023769, số máy KF14E0123840, xe đã qua sử dụng trị giá còn 74.000.000đ; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 4s, màu trắng đã qua sử dụng trị giá còn 1.000.000đ. Tổng cộng = 75.000.000đ”.

* Trách nhiệm dân sự: anh H đã nhận lại tài sản là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150i bị chiếm đoạt và không có ý kiến đề nghị gì về bồi thường dân sự.

* Quá trình điều tra Lê Văn B và Nguyễn Văn Q đã khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện.

Tại bản cáo trạng số 164/KSĐT ngày 13 tháng 10 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân TP Phủ Lý, tỉnh Hà Nam đã truy tố: Lê Văn B về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự; Nguyễn Văn Q về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo điểm c khoản 2 Điều 250 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:

- Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm kết tội đối với các bị cáo theo tội danh, điều khoản đã nêu trong cáo trạng, không thay đổi, bổ sung gì thêm đối với nội dung vụ án. Sau khi phân tích, đánh giá toàn diện vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là: HĐXX):

+ Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt: Lê Văn B mức án từ 36 đến 42 tháng tù.

+ Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 250; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự, xử phạt: Nguyễn Văn Q mức án từ 24 đến 30 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng.

+ Không xác định trách nhiệm bồi thường dân sự do bị hại không có yêu cầu và hướng xử lý vật chứng hiện đang thu giữ theo quy định của pháp luật.

- Các bị cáo Lê Văn B và Nguyễn Văn Q hoàn toàn thừa nhận và khai báo toàn bộ hành vi các bị cáo đã thực hiện trong vụ án đúng như nội dung bản cáo trạng đã mô tả, không có ý kiến gì đối với kết luận định giá tài sản, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Các bị cáo đều không có ý kiến bào chữa và tranh luận gì đối với cáo buộc của Viện kiểm sát, bản thân các bị cáo đã nhận thức rõ hành vi phạm tội và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt, ngoài ra Nguyễn Văn Q đề nghị HĐXX xem xét đến nhân thân để được cải tạo tại địa phương.

- Bị hại (anh Phạm Duy H) xác nhận: lời khai của Lê Văn B tại Tòa là đúng với nội dung vụ việc anh bị chiếm đoạt tài sản vào ngày 21 tháng 01 năm 2017. Anh đã nhận lại chiếc xe mô tô bị trộm cắp và không có yêu cầu bồi thường dân sự gì khác, đồng thời đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1]*Về tội danh*: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau về diễn biến nội dung vụ án (thời gian, địa điểm, hành vi thực hiện và mục đích phạm tội); phù hợp với đơn trình báo cũng như lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản khám nghiệm và sơ đồ hiện trường vụ án, các vật chứng đã thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập theo trình tự luật định, phản ánh đúng sự thật khách quan của vụ án.

Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 11 giờ, ngày 21 tháng 01 năm 2017, tại tổ dân phố Bảo Lộc 1, phường T, TP P, tỉnh Hà Nam, Lê Văn B đã trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150i, BKS 90B2 - 180.05 trị giá 74.000.000đ và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 4s trị giá 1.000.000đ của anh Phạm Duy H mang đi tiêu thụ. Ngày 12 tháng 02 năm 2017, mặc dù biết chiếc xe mô tô trên do B trộm cắp mà có nhưng Nguyễn Văn Q vẫn mua với giá 26.500.000đ mang đi cất giữ để sử dụng.

Như vậy: Với hành vi lợi dụng sự sơ hở, thiếu cảnh giác trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, Lê Văn B đã lén lút trộm cắp của anh Phạm Duy H số tài sản trên với tổng giá trị là 75.000.000đ đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999. Hành vi biết rõ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150i (trị giá 74.000.000đ) do Lê Văn B phạm tội mà có, nhưng vẫn mua để sử dụng của Nguyễn Văn Q đã phạm vào tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 250 Bộ luật hình sự.

Quan điểm buộc tội của Viện kiểm sát nhân dân TP Phủ Lý, tỉnh Hà Nam đối với các bị cáo theo tội danh và khung hình phạt như bản cáo trạng là hoàn toàn thỏa đáng, đảm bảo căn cứ pháp luật.

[2] *Về hình phạt:* Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Trong đó, hành vi của Lê Văn B không những đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự - trị an trên địa bàn TP P, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong nhân dân đối với việc quản lý tài sản. Hành vi của Nguyễn Văn Q đã xâm phạm đến trật tự công cộng, ảnh hưởng đến công tác điều tra, phát hiện tội phạm.

Xét nhân thân:

+ Lê Văn B là người có nhân thân xấu, trong năm 2012 (thời điểm đang ở độ tuổi chưa thành niên) đã có 01 tiền án về tội “Cướp tài sản” và 01 tiền sự về hành vi “Trộm cắp tài sản” (đều đã được xóa), nhưng vẫn không lấy đó làm bài học kinh nghiệm để tu sửa bản thân, trở thành người có ích, luôn thể hiện lối sống buông thả, ngoài vòng pháp luật, thích hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác, nên khi thấy có cơ hội là sẵn sàng thực hiện hành vi phạm tội, ngay cả đối với tài sản của chính bạn bè của mình ở địa phương khác, thể hiện sự thách thức và coi thường luật pháp.

+ Nguyễn Văn Q: Là người có nhân thân tốt (*Chưa có tiền án, tiền sự*) và đây là lần đầu phạm tội do ham rẻ, cơ hội. Bản thân có nơi cư trú rõ ràng, công việc ổn định (hiện là công nhân).

- Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

- Về tình tiết giảm nhẹ chung: Sau khi phạm tội các bị cáo đã tự giác ra đầu thú tại Cơ quan điều tra thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, đồng thời thể hiện rõ sự ăn năn hối cải trước pháp luật. Tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, nên các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, đối với Nguyễn Văn Q: đã giao nộp lại nguyên vẹn tài sản đã mua cho Cơ quan CSĐT để trả lại cho người bị hại. Bản thân bị cáo đã có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự, hoàn thành tốt nghĩa vụ công dân trở về địa phương, chấp hành nghiêm chỉnh chính sách, pháp luật của Nhà nước. Qua xác nhận của

chính quyền sở tại thì hiện bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn về đời sống kinh tế, bản thân là lao động chủ yếu trong gia đình, nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm g khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, xem xét yếu tố nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ như đã phân tích đối với từng bị cáo, HĐXX sẽ quyết định xử lý đối với các bị cáo, *theo hướng*:

- Áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc đối với Lê Văn B một thời gian nhất định mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa tội phạm chung trong cộng đồng.

- Không cần thiết phải cách ly Nguyễn Văn Q với xã hội mà chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, không làm ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Phú Lý tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp, đảm bảo đúng quy định tại Điều 60 Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thể hiện được tính nhân đạo của Nhà nước đối với người phạm tội có nhân thân và hoàn cảnh, điều kiện như bị cáo.

Khi lượng hình phải cân nhắc đến các tình tiết giảm nhẹ như đã phân tích để quyết định mức hình phạt đối với các bị cáo cho phù hợp pháp luật, đảm bảo đạt lý, thấu tình, cũng như thấy được chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội.

[3] *Về trách nhiệm dân sự*: Anh Phạm Duy H đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150i (BKS 90B2-180.05), không có đề nghị bồi thường đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 4s, cũng như không có đề nghị gì khác. Do đó, HĐXX không xem xét.

[4] *Về xử lý vật chứng của vụ án*: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1202, màu xanh là tài sản của Lê Văn B và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S, màu vàng là tài sản của Nguyễn Văn Q, HĐXX xác định: các bị cáo đã sử dụng các điện thoại này làm phương tiện liên lạc để thực hiện tội phạm, còn giá trị sử dụng, nên phải tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[5] *Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:* đều thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và căn cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì đối với các hành vi, quyết định tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong các giai đoạn tố tụng đã thực hiện và ban hành đều hợp pháp, tuân thủ các nguyên tắc tố tụng cũng như đảm bảo việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm được giao theo quy định tại các Điều 3, 6, 10, 12, 14 và 35, 37 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003.

[6] *Về các vấn đề khác:*

- Đối với Cao Văn N, qua lời khai của các bị cáo: là người giúp B đổi xe trộm cắp cho Q rồi chuộc chiếc xe mô tô trộm cắp từ nhà anh Nguyễn Văn C để bán lại cho Q. Lê Văn B xác định: không nói cho N biết nguồn gốc chiếc xe trên. Công an TP P đã nhiều lần triệu N đến làm việc, nhưng hiện N không có mặt tại địa phương. Công an TP P đang tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ hành vi liên quan của N trong vụ án, để xử lý theo pháp luật. Xét thấy phù hợp, nên HĐXX không đặt ra xem xét trong vụ án này.

- Đối với anh Nguyễn Văn C là người đã nhận cầm cố chiếc xe mô tô do B trộm cắp và bà Nguyễn Thị L là người đã cho Q gửi chiếc xe mô tô đã mua trong vụ án. Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, HĐXX xác định: anh C và bà L hoàn toàn không biết chiếc xe mô tô trên là tài sản do trộm cắp mà có, nên không có căn cứ để xử lý đối với những người này là phù hợp pháp luật, nên HĐXX không đề cập.

- Đối với người đàn ông B khai tên Tuấn ở Lạng Sơn đã cầm cố chiếc xe mô tô mà B đã trộm cắp. Tuy nhiên, B không biết lai lịch, địa chỉ của người này để điều tra, xác minh làm rõ, nên không có căn cứ để xử lý.

[7] *Án phí hình sự sơ thẩm:* Các bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

[8] *Quyền kháng cáo:* bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn B phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn B 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06 tháng 4 năm 2017.

[2] Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 250; điểm g,p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn Q 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (Bốn mươi tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Q cho Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện C, tỉnh Hải Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

(Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự)

[3] Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng hình sự: Quyết định tạm giam bị cáo Lê Văn Bình 45 ngày, kể từ ngày tuyên án.

[4] Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1202, màu xanh, số seri: 358285039337006 và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S, màu vàng, số IMEL: 352003066314509.

(Các vật chứng nêu trên có đặc điểm, tình trạng, số hiệu được ghi trong biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 20 tháng 10 năm 2017 giữa Cơ quan CSĐT - Công an TP Phủ Lý và Chi cục thi hành án dân sự TP Phủ Lý).

[5] Căn cứ Điều 99, 231, 234 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Lê Văn B và Nguyễn Văn Q mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ.

- Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Hà Nam;
- Viện KSND TP Phủ Lý;
- Công an TP Phủ Lý;
- Chi cục THADS TP Phủ Lý;
- Các bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Văn An